

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vương Thị Thu Lan
- Bà Hà Thị Minh Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 - 01-2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-4-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Hà Văn T, sinh năm 1976. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. **Bị đơn:** Chị Trịnh Thị Y, sinh năm 1982. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-01-2025, bản tự khai, nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày:

Tôi và chị Trịnh Thị Y được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vào tháng 01/2000. Sau khi kết hôn tôi và chị Y về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tôi tại Thôn G (nay là thôn L) xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì chị Y đi làm ăn ở dưới Hà Nam thi thoảng mới về gia đình và từ đó ít liên lạc với tôi và gia đình, chị Y chặn số điện thoại của tôi, chị Y chỉ gọi điện về cho các con khi cần. Do chị Y tự ý bỏ nhà đi không bàn bạc với tôi, bản thân tôi thấy tình cảm với chị Y nay đã không còn, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc với nhau. Nay đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Trịnh Thị Y.

Về con chung: Chúng tôi có hai người con chung là cháu Hà Thị Minh G, sinh năm 2001 và cháu Hà Huy T1, sinh năm 2006, các cháu đều đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Trịnh Thị Y nhưng chị Y không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 3 năm 2025 (bút lục số 25) của Công an xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, cho biết: Chị Trịnh Thị Y có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Bái. Hiện chị Y vắng mặt tại địa phương, chị Y không báo tạm vắng tại địa phương. Chị Y đi đâu làm gì địa phương không nắm được. Trong hệ thống được lưu trữ tại Công an xã xác định được chị Trịnh Thị Y sinh ngày 08/10/1982 có chồng là Hà Văn T sinh ngày 10/4/1976 và có con là Hà Huy T1, sinh ngày 01/6/2006.

Do chị Y không có mặt theo thông báo của Tòa án, nguyên đơn anh Hà Văn T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn T; **Xử cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Trịnh Thị Y, Về con chung: các con đã trưởng thành có gia đình riêng không yêu cầu giải quyết**; Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hà Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trịnh Thị Y có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh Hà Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Trịnh Thị Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có

lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hà Văn T và chị Trịnh Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vào tháng 01 năm 2000 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo anh T trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì chị Y tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa. Từ đó chị Y ít về nhà và cắt đứt liên lạc với anh, chị Y chỉ gọi điện về cho các con khi có việc cần. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn sự quan tâm, chăm sóc với nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi chị Y nhiều lần nhưng chị Y đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn của anh Hà Văn T đối với chị Trịnh Thị Y.

[3] *Về con chung*: Anh T và chị Y có 02 người con chung là Hà Thị Minh G, sinh năm 2001 và cháu Hà Huy T1, sinh năm 2006 hiện các con đã trưởng thành anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Hà Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Hà Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T được ly hôn chị Trịnh Thị Y

2. Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số AA/2024/0000151 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 15-01-2025 (xác nhận anh T đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Anh Hà Văn T; chị Trịnh Thị Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Ngòi A, huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Thu Hương